**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-------------------------------

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

### ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY TNHH ……….**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.

# Chương I

# QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1: *Hình thức, tên gọi và trụ sở của Công ty***

* 1. Công ty thuộc hình thức Công ty TNHH Một thành viên do Ông …….. là chủ sở hữu, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
  2. Tên Công ty:

#### Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ………………

#### Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ………….

#### Tên công ty viết tắt: ………………

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………….

Điện thoại: ……………… Fax:

Email: ……………………… Website:

1.3 Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước khi có nhu cầu và phải tuân theo các quy định của pháp luật

**Điều 2: *Ngành, nghề kinh doanh***

Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành** | **Mã ngành** | **Ngành nghề kinh doanh chính** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Điều 3: *Vốn điều lệ***

3.1 Vốn điều lệ:

3.1.1 Vốn điều lệ: ……………

3.1.2 Thời hạn góp đủ vốn: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn này, chủ sở hữu công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ bằng giá trị số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ.

3.2 Thay đổi vốn điều lệ

3.2.1 Công ty tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu công ty quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

3.2.2 Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

3.2.3 Công ty giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau:

a) Hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty;

b) Vốn điều lệ không được chủ sở hữu công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại khoản 3.1.2 điều này.

**Điều 4: *Chủ sở hữu công ty***

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): **………………..** Giới tính: ……….

Sinh ngày: …………… Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: ………………. Ngày cấp: ……..

Nơi cấp: ………………….

Ngày hết hạn: ……………..

Địa chỉ thường trú: ……………………..

Địa chỉ liên lạc: ………………………….

**Điều 5:** ***Quyền của Chủ sở hữu công ty***

* 1. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
  3. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
  4. Quyết định phát hành trái phiếu;
  5. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
  6. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
  7. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
  8. Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty.
  9. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.

**Điều 6:** ***Nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty***

* 1. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.
  2. Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.
  3. Tuân thủ Điều lệ công ty.
  4. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty.
  5. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.
  6. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.
  7. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
  8. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.

**Điều 7: *Thực hiện quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt***

1. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới thì công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.

2. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì ủy quyền cho người khác thực hiện một số hoặc tất cả quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.

3. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu công ty hoặc thành viên công ty. Công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân mất tích thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân mà bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty được thực hiện thông qua người đại diện.

6. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân mà bị Tòa án cấm hành nghề, làm công việc nhất định hoặc chủ sở hữu công ty là pháp nhân thương mại bị Tòa án cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định thuộc phạm vi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp thì cá nhân đó không được hành nghề, làm công việc nhất định tại công ty đó hoặc công ty tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề có liên quan theo quyết định của Tòa án.

**Chương II**

**Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty**

**Điều 8:** ***Cơ cấu tổ chức quản lý***

8.1 Công ty hoạt động theo mô hình sau đây: Chủ tịch công ty, Giám đốc;

8.2 Chủ tịch công ty do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiện. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định.

8.3 Giám đốc do chủ tịch công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của công ty.

**Điều 9: *Người đại diện theo pháp luật của Công ty***

9.1 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Công ty có: 01 người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó.

9.2 Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Người đại diện theo pháp luật có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

9.3 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

9.4 Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này.

**Điều 10: *Thể thức thông qua quyết định của công ty***

Quyết định của công ty do chủ sở hữu quyết định và thông qua.

**Điều 11: *Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ***

Tranh chấp nội bộ trong doanh nghiệp được giải quyết bằng các nguyên tắc sau:

11.1. Nguyên tắc tự định đoạt: Các bên có quyền thoả thuận phương thức giải quyết tranh chấp có lợi nhật có thể là tự thương lượng, hoặc thông qua trung gian hoà giải, hoặc thông qua một hình thức tài phán. Sau đó các bên có thể không nhất thiết phải tham gia tố tụng mà có thể uỷ quyền cho người khác tham gia tố tụng, có quyền nhờ luật sư hoặc người khác bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Cuối cùng khi đã đưa tranh chấp ra trọng tài hoặc toà án các bên có quyền hoà giải hoặc thay đổi nội dung đơn kiện hoặc rút đơn kiện.

11.2. Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật: Pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên không phân biệt thành phần kinh tế, số vốn, tài sản.

11.3. Nguyên tắc hoà giải: khi có tranh cấp các bên tự tiến hành hoà giải. Nếu việc hoà giải không thành thì các tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

11.4. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nhanh chóng và kịp thời, đảm bảo hạn chế gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh.

**Điều 12: *Con dấu của công ty***

12.1 Công ty sử dụng 01 con dấu. Nội dung con dấu có những thông tin sau đây: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp. Con dấu được khắc theo hình tròn, mực đỏ.

12.2 Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm quản lý và lưu trữ con dấu tại trụ sở công ty. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt thì phải ủy quyền cho người khác quản lý và lưu trữ con dấu. Việc sử dụng con dấu phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và được đóng vào các loại giấy tờ, văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

12.3 Không được đóng dấu trên bất kỳ văn bản nào mà không có chữ ký của Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc được Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty, Giám đốc ủy quyền bằng văn bản. Mọi văn bản, chứng từ có đóng dấu nhưng không có chữ ký hoặc chữ ký trực tiếp của Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc người được Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty, Giám đốc ủy quyền đều không có giá trị pháp lý mà chỉ có giá trị tham khảo.

# Chương III

# TÀI CHÍNH

**Điều 13: *Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên của người quản lý doanh nghiệp***

13.1. Công ty có quyền trả thù lao cho người quản lý doanh nghiệp theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

13.2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của người quản lý doanh nghiệp được trả theo quy định sau đây:

a) Tiền lương đối với người quản lý công ty chuyên trách được xác định và trả lương gắn với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát và bảo đảm tương quan hợp lý với tiền lương của người lao động trong công ty. Trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc thì chỉ được nhận tiền lương của một chức danh cao nhất.

b) Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty. Quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý công ty được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh và được thể hiện thành một mục trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty. Tiền thưởng của người quản lý công ty được xác định theo năm tương ứng với hiệu quả sản xuất, kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát, và được trả vào cuối năm hoặc kết thúc nhiệm kỳ.

**Điều 14: *Năm tài chính và Báo cáo tài chính***

14.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

14.2 Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của pháp luật.

14.3 Việc thu chi tài chính của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

14.4 Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

**Điều 15: *Phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh***

15.1 Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

Quỹ dự trữ bắt buộc: 1%

Quỹ khen thưởng và phúc lợi: 5%

Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 5%

Các quỹ khác sẽ do Chủ sở hữu công ty quyết định tuỳ thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật.

15.2 Chủ sở hữu của Công ty chỉ được rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty thanh toán đủ các khoản và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

15.3 Trường hợp phát sinh lỗ trong kinh doanh, Giám đốc phải lập phương án xử lý lỗ và ưu tiên trích quỹ phát triển sản xuất kinh doanh doanh và quỹ dự trữ để xử lý.

# Chương IV

# GIẢI THỂ - PHÁ SẢN

**Điều 16. *Giải thể doanh nghiệp***

16.1. Doanh nghiệp bị giải thể trong trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của của chủ sở hữu;

b) Theo quy định khác của pháp luật;

16.2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

16.3. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

- Lý do giải thể;

- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;

- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ sở hữu;

b) Chủ sở hữu công ty trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp.

c) Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- Nợ thuế;

- Các khoản nợ khác (nếu có);

d) Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại được chuyển về cho Chủ sở hữu;

e) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp;

16.4 Thủ tục thanh lý tài sản công ty do Chủ sở hữu công ty ban hành khi thực hiện giải thể doanh nghiệp.

**Điều 17**: ***Phá sản doanh nghiệp***

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

# Chương V

# ĐIỀU KHOẢN KHÁC

**Điều 18:** ***Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty***

Thủ tục sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty: do Chủ sở hữu công ty ban hành của quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ.

**Điều 19:** ***Điều khoản khác***

19.1 Các nội dung khác không được quy định trong Điều lệ này sẽ được áp dụng theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và pháp luật có liên quan.

19.2 Điều lệ này được lập thành 05 chương, 19 điều, đã được chủ sở hữu thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ sở hữu**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **…………** | **Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp**  **Giám đốc**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **………………………** |